

ủy quyền ngày 21/3/2018).

- Bà Lương Thị N, sinh năm 1959; trú tại: Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bà Lương Thị Th, sinh năm 1956; trú tại: Xóm 7, xã Nghĩa Trung, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- UBND thị xã TH, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V - Giám đốc Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã TH. Vắng mặt.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH (nay là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An) . Có đơn đề nghị không tham gia phiên tòa do ông Phan Hậu T - Phó Giám đốc ký gửi tại Thông báo số 16/TB-NHNNo TNA-TD ngày 10/5/2018.

4. Người kháng cáo:

- Ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H;

- Ông Lương Hữu C và bà Lương Thị N;

5. Viện trưởng VKSND tỉnh Nghệ An kháng nghị toàn bộ bản án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2016; đơn bổ sung khởi kiện ngày 07/6/2017, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông Lương Hữu C, bà Lương Thị Th, bà Lương Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, bà N, bà Th thống nhất trình bày:

Bố mẹ ông C, bà N, bà Th là cụ Lương Viết H và cụ Hoàng Thị B kết hôn với nhau năm 1945, quá trình chung sống sinh được 07 người con, gồm: Lương Hữu C, Lương Anh Ph (hy sinh năm 1972), Lương Anh Đ, Lương Thị Kh (hy sinh năm 1974), Lương Thị Th, Lương Thị N và Lương Hữu B. Ông Lương Anh Ph và bà Lương Thị Kh hy sinh trong chiến tranh đều chưa có vợ con. Năm 1972, bố mẹ các ông, bà (cụ H, cụ B) nhận chuyển nhượng của ông Mạch Quang Phúc 01 thửa đất số 168, tờ bản số 01 diện tích 700m² nay là thửa số 09, tờ bản đồ số 08, diện tích 728,7m² tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An.

Năm 1994, cụ H qua đời không để lại di chúc. Năm 1999, vợ chồng ông Lương Hữu B, bà Đinh Thị H (em của các ông, bà) tự ý làm thủ tục kê khai để được Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn (thời điểm này chưa tách đơn vị hành chính) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được sự đồng ý của mẹ và các anh chị em. Năm 2010, cụ Hoàng Thị B qua đời và cũng không để lại di chúc. Năm 2013, UBND thị xã TH tiến hành cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H nhưng cũng không tiến hành tìm hiểu nguồn gốc của thửa đất. Ông Lương Hữu C, bà Lương Thị Th và bà Lương Thị N khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu:

1- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 101139 do UBND huyện Nghĩa Đàn cấp ngày 30/11/1999 cho ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H.

2- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã TH cấp đổi cho hộ ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H vào năm 2013.

3- Chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa số 09, tờ bản đồ số 08 diện tích 728,7m² tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An theo pháp luật. Đề nghị nhập kỹ phần thừa kế của ông C, bà N, bà Th vào một thửa để sử dụng chung.

4- Ông C yêu cầu khởi kiện bổ sung: Hủy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 511944/16/HĐTC ngày 01/6/2016 giữa ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH về việc thế chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 09, tờ bản đồ số 08 với diện tích 728,7m².

Vợ chồng ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H thống nhất trình bày: Thừa nhận quan hệ huyết thống như phía nguyên đơn đã khai. Năm 1987, ông B và vợ là bà Đinh Thị H về sống chung với bố mẹ đẻ của ông B là cụ Lương Viết H và cụ Hoàng Thị B tại ngôi nhà hai cụ xây từ năm 1982 ở thị trấn Thái Hòa (nay là thị xã TH). Tại thời điểm đó còn có ông gia đình Lương Anh Đ cùng sinh sống trong nhà, các anh chị khác đã trưởng thành ra ở riêng. Năm 1989 ông Đ cũng ra ở riêng. Năm 1994, cụ H chết, năm 1995 cụ B mẹ ông B tuyên bố giao đất cho ông, đến năm 1999 vợ chồng ông B, bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ năm 2000 đến nay vợ chồng ông B là người nộp thuế đất.

Bố mẹ ông có hai mảnh đất, một mảnh đối diện với cửa hàng kim khí tại ngã tư Bưu điện thị trấn Thái Hòa và mảnh đất đang tranh chấp. Năm 2006, cụ B bán mảnh đất ngoài ngã tư Bưu điện và chia làm 06 phần, mỗi phần được 33 triệu đồng, số tiền của cụ B được vợ ông là chị Đinh Thị H gửi ngân hàng 33 triệu và tiền lãi, tiền chế độ 11 triệu đồng, 42 triệu đồng gồm truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng và tiền thưởng. Tổng cộng 100 triệu đồng. Hiện nay đang cho bà N vay vào tháng 9/2015 và yêu cầu bà Lương Thị N trả cho vợ chồng ông B để sử dụng chung. Vợ chồng ông B, bà H cam kết sẽ cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh khoản tiền vay này cho Tòa án, nếu không cung cấp được thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp vợ chồng ông B, bà H đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH vay 200.000.000 đồng để làm chi phí xây lăng mộ. Ông B cho rằng, nguồn gốc đất là do bố mẹ để lại, nay đã cho vợ chồng ông B, bà H, nhưng nếu các anh chị yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông B cũng nhất trí chia theo quy định pháp luật nhưng yêu cầu phải trích công sức cho vợ chồng ông duy trì, bảo quản, tôn tạo đất từ năm 1987 đến nay bằng hiện vật (quyền sử dụng đất). Việc Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông sai hay đúng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Ông xác định bố mẹ ông không để lại di chúc và không còn tài sản gì khác.

Ông Lương Anh Đ trình bày: Đồng ý với ý kiến của ông B và nếu được chia di sản thừa kế thì ông Đ cho ông B ký phần của ông và nhập vào cho ông B. Còn đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện UBND thị xã TH trình bày: UBND thị xã TH thống nhất với phương án hòa giải của Khối TL, phường LS ngày 16/8/2015 và nội dung Thông báo kết luận số 43 ngày 13/10/2015 của UBND phường LS và nhất trí với quan điểm và quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An về vụ án dân sự Tranh chấp chia di sản thừa kế và hủy quyết định cá biệt. Hiện nay các tài liệu liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà H năm 1999 ngoài các tài liệu đã cung cấp cho Tòa án thì tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã TH không còn lưu giữ tài liệu nào khác.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH trình bày: Ngày 01/6/2016 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH và vợ chồng ông B, bà H ký hợp đồng tín dụng vay vốn 200 triệu đồng thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký và vợ chồng ông B, bà H thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thửa đất số 09, tờ bản đồ số 08, diện tích 728,7m², tại Khối TL, phường LS, thị xã TH. Đến nay vợ chồng ông B, bà H còn dư nợ 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Nếu hủy hợp đồng thế chấp thì Ngân hàng đề nghị ông B, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng thì Ngân hàng sẽ giải chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 04/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã căn cứ vào các điều 612, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Quyết định:

Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Lương Hữu C, bà Lương Thị N và bà Lương Thị Th. Tuyên xử:

1. Hủy một phần quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01202/QSDĐ ngày 30/11/1999 của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là thị xã TH) mang tên ông Lương Hữu B và Hủy một phần quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00195/QĐ ngày 01/12/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã TH mang tên ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H.

2. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 511944/16/HĐTC ngày 01/6/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH với vợ chồng ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H về việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00195/QĐ ngày 01/12/2013 mang tên ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H vô hiệu. Dành quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH, tỉnh Nghệ An đối với vợ

chồng ông B, bà H bằng một vụ án dân sự khác.

3. Chia di sản là tài sản của cụ Lương Viết H và cụ Hoàng Thị B để lại gồm thửa đất thổ cư diện tích $728,7m^2$ thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 08 tại khối Long Sơn, thị xã TH hiện đang do vợ chồng ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H quản lý có trị giá 226.963.000 đồng; chia, trích cụ thể như sau:

3.1. Các đồng thừa kế của cụ Lương Viết H và cụ Hoàng Thị B được sử dụng chung diện tích đất $143,9m^2$ đất vườn làm lối đi chung, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 28 có chiều dài $2,61m + 14,50m + 3,38m + 2,36m$; Phía Nam giáp thửa đất số 26 có chiều dài $2,45m$; Phía Đông giáp thửa đất số 10 và thửa đất số 26 có chiều dài $2,81m + 30m + 1,67m$; Phía Tây giáp các phần đất được trích, chia cho các ông B và bà H, ông C, bà Th, bà N có chiều dài $36,5m$.

3.2. Trích, chia cho vợ chồng ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H được quyền sử dụng $409,36m^2$ ($140m^2$ đất ở, $269,36m^2$ đất vườn). Trong đó; trích công sức quản lý, tôn tạo cho vợ chồng ông B, bà H $292,4m^2$; phần di sản của ông B $58,48m^2$, phần di sản của ông Đ nhường lại $58,48m^2$) thuộc thửa số 09, tờ bản đồ số 08, tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An, tổng trị giá 153.737.500 đồng. Có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa đất số 28 dài $14,14m$; Phía Nam giáp phần đất chia cho ông C, bà N, bà Th dài $15,11m$; Phía Đông giáp lối đi chung dài $21,24m$; Phía Tây giáp thửa đất số 08 và thửa đất số 25 có chiều dài, $10,37m + 9,84m + 1,05m + 2,92m + 4,11m$.

3.3. Chia cho ông Lương Hữu C, bà Lương Thị Th, bà Lương Thị N được sử dụng $175,44m^2$ đất (bao gồm $60m^2$ đất ở $115,44m^2$ đất vườn) thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 08, tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An, trị giá 65.887.400 đồng. Có tứ cận: Phía Bắc giáp phần đất được trích, chia cho vợ chồng ông B, bà H dài $15,11m$; Phía Nam giáp thửa đất số 48 và số 26 có chiều dài $4,45m + 7,87m + 1,99m$; Phía Đông giáp lối đi chung dài $10,62m$; Phía Tây giáp thửa đất số 08 và thửa đất số 25 có chiều dài, $4,30m + 4,45m + 1,11m + 3,21m$. (Chi tiết các phần đất có sơ đồ kèm theo). Các bên đương sự và những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H về việc: Yêu cầu bà Lương Thị N trả lại 100.000.000 đồng tiền là di sản của cụ Hoàng Thị B.

5. Về án phí:

5.1. UBND thị xã TH, tỉnh Nghệ An phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc hủy quyết định hành chính cá biệt.

5.2. Vợ chồng ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu; 2.196.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần trị giá di sản được chia và 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tổng cộng 7.596.200 đồng.

5.3 Ông Lương Hữu C, bà Lương Thị N và bà Lương Thị Th phải chịu 3.294.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối trị giá phần di sản được chia. Kỳ phần mỗi người phải chịu 1.098.100 đồng, nhưng ông Lương Hữu C được khấu trừ vào số tiền 17.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu số 0000659 ngày 17/11/2016. Số tiền tạm ứng án phí còn lại hoàn trả cho ông Lương Hữu C.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14/8/2017, bị đơn là ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 17/8/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1252/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 08 ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết lại theo thủ tục chung với lý do: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

- Ngày 18/8/2017, nguyên đơn là ông Lương Hữu C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm vụ án. Ngày 28/3/2018 do bà N vắng mặt lần thứ nhất, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự quyết định hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa ngày 27/5/2018, theo đề nghị của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa để thu thập chứng cứ liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà H. Sau khi ra quyết định thu thập chứng cứ, hai đơn vị là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Nghệ An và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện NĐ, tỉnh Nghệ An đều trả lời không lưu giữ hồ sơ liên quan đến việc đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà H. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa để đánh giá chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự ông C, bà N, ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa ban đầu giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sau đó đã rút phần kháng nghị liên quan đến việc xác định giao dịch dân sự vô hiệu giữa ông B với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An do ông B đã thanh toán xong khoản tiền vay và Ngân hàng đã tất toán xong, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp đã trả lại cho ông B.

- Nguyên đơn: Ông C và bà N - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm nhất trí về việc ông B, bà H có công sức nhất định đối với hai cụ và quá trình bồi đắp, tôn tạo, bảo vệ đất song chỉ chấp nhận công sức cho ông B, bà H tối đa 1/3 giá trị di sản thừa kế là quyền sử dụng đất sau khi trừ phần lỗi đi chung. Không chấp nhận công sức cho ông B, bà H bằng 1/2 giá trị di sản thừa kế là quyền sử dụng đất như quyết định của Bản án sơ thẩm.

- Bị đơn - ông B có quan điểm không nhất trí về việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của hai cụ. Trường hợp buộc phải chia thừa kế thì phần công sức như Bản án sơ thẩm đã quyết định là phù hợp.

- Về lỗi đi chung, các đương sự tại phiên tòa cùng có ý kiến chỉ xác định lỗi đi chung từ đường khối vào tới hết phần đất mà ông B được chia.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có quan điểm: Không nhất trí với phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An về nội dung cụ B đã cho ông B phần đất của cụ; không nhất trí quan điểm kháng nghị về việc hủy bản án sơ thẩm. Nhất trí với quan điểm của bà N, ông C về việc chỉ tính công sức cho vợ chồng ông B tương ứng với 1/3 giá trị di sản thừa kế là quyền sử dụng đất sau khi đã trừ lỗi đi chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

- Những người tiên hành và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc hủy Bản án sơ thẩm:

+ Về khoản tiền bà N vay ông B 100.000.000 đồng: Đây là yêu cầu độc lập của ông B. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông B nộp tiền tạm ứng án phí mà vẫn giải quyết. Tại phần “Nhận định” của Bản án nêu dành quyền khởi kiện cho ông B khi có đủ căn cứ song tại phần “Quyết định” của Bản án lại bác yêu cầu và buộc ông B phải chịu án phí là mâu thuẫn và làm mất quyền khởi kiện lại của ông B.

+ Về việc giải quyết yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vay ngân hàng: Tòa án không xác định Ngân hàng là người có yêu cầu độc lập, giải quyết không triệt để khi dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng bằng vụ việc khác.

+ Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tòa án tỉnh Nghệ An không xác minh, thu thập tài liệu làm rõ việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 là không cần thiết vì đã hết hiệu lực khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Vì vậy, lẽ ra cần phải hủy bản án sơ thẩm, song do Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã khắc phục, đã tiến hành thu thập chứng cứ tại UBND huyện ND, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Nghệ An. Đồng thời Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An với ông B đã thanh toán hết khoản nợ nên rút phần kháng nghị liên

quan đến giải quyết Hợp đồng vô hiệu giữa ông B và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An và quan điểm hủy Bản án sơ thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An trong quyết định kháng nghị. Các sai sót khác của Bản án sơ thẩm, cấp phúc thẩm có thể khắc phục được.

+ Kháng cáo của ông B về việc không đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tòa án cấp sơ thẩm hủy là có căn cứ, do không có văn bản tặng cho, các đương sự khác không thừa nhận, việc thu thập chứng cứ liên quan tại các Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất không có kết quả. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông B.

+ Về kháng cáo của ông C, bà N: Ông B, bà H có công sức là chính xác, xong cấp sơ thẩm tính $\frac{1}{2}$ giá trị di sản sau khi trừ lỗi đi chung là quá cao. Đề nghị Hội đồng xét xử tính công sức cho ông B, bà H bằng $\frac{1}{3}$ giá trị di sản thừa kế sau khi đã trừ lỗi đi chung, phần còn lại chia cho các đương sự.

+ Về lỗi đi chung: Chấp nhận quan điểm của các đương sự, lỗi đi chung của các đương sự trong vụ án được tính từ đường khối cho tới hết phần đất giao cho ông B.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 để sửa Bản án sơ thẩm theo phân tích và nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa; ý kiến, quan điểm của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, người đại diện do đương sự ủy quyền; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; xét kháng cáo của các đương sự, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Bản án sơ thẩm nhận định nguồn gốc thửa đất hiện có tranh chấp là của hai cụ Lương Viết H và Hoàng Thị B tạo lập sau khi nhận chuyển nhượng của ông Mạch Quang Phúc từ năm 1972; nay là thửa số 09, tờ bản đồ số 08, diện tích 728,7m² tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An là chính xác, phù hợp với lời thừa nhận của các đương sự và kết quả xác minh.

[2] Cụ H chết năm 1994, cụ B chết năm 2000, cả hai cụ đều không để lại di chúc. Ông B cho rằng cụ B đã tuyên bố và cho ông quyền sử dụng đất song không đưa ra được căn cứ chứng minh. Các thành viên trong gia đình đa số đều không thừa nhận lời khai này của ông B. Ông B còn cho rằng cụ B là người đi làm thủ tục kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã TH, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện ND và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Nghệ An xong cả ba đơn vị đều có công văn phản hồi hiện nay không có hồ sơ lưu trữ. Do vậy, không có căn cứ vững chắc để khẳng định lời khai của ông B cho rằng cụ B là người kê khai quyền sử dụng đất cho ông. Bởi lẽ đó, Bản án sơ thẩm đã quyết định chia

toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của hai cụ H và cụ B theo pháp luật là có căn cứ, đúng pháp luật. Mặt khác, tại giai đoạn sơ thẩm ông B cũng có quan điểm chấp nhận việc chia di sản thừa kế của cụ H và cụ B theo pháp luật và tính công sức cho vợ chồng ông bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B cũng nhất trí với việc Bản án sơ thẩm trích công sức cho vợ chồng ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa phúc thẩm về việc rút phần nội dung kháng nghị tại Quyết định kháng nghị số 1252/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An về việc xác định cụ B đã cho phân di sản thừa kế của mình cho ông B là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét về việc chia thừa kế theo pháp luật của Bản án sơ thẩm theo kháng cáo của ông C, bà N: Do ông B, bà H đã sinh sống trên thửa đất từ năm 1987 đến nay (31 năm), có công bảo quản, duy trì khối di sản thừa kế, đồng thời có trách nhiệm lớn, có công trực tiếp phụng dưỡng, chăm sóc cụ H và cụ B khi về già. Do vậy, Bản án sơ thẩm đã quyết định áng trích một phần khối di sản thừa kế của hai cụ cho vợ chồng ông B là có căn cứ và phù hợp. Tuy nhiên, ông B khi sinh sống trên thửa đất này cũng được hưởng lợi từ việc sử dụng đất nên Bản án sơ thẩm quyết định áng trích công sức cho vợ chồng ông B $\frac{1}{2}$ khối di sản thừa kế tương ứng với toàn bộ 05 kỷ phần thừa kế là quá lớn, gây thiệt hại tới quyền và lợi ích chính đáng của các đồng thừa kế khác trong vụ án. Xét kháng cáo của ông C, bà N và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, bà N là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để phân chia lại cho phù hợp hơn. Cụ thể như sau:

- Xác định di sản thừa kế do quyền sử dụng đất của cụ B và cụ H là $728,7m^2$ đất, trong đó có $200m^2$ đất thổ cư và $528,7m^2$ đất vườn thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 08, tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An có tổng giá trị 226.963.000 đồng.

- Trích trong khối di sản thừa kế một phần diện tích là $109,2m^2$ đất vườn làm lối đi chung cho các đương sự, có vị trí tính từ đường khối vào tới hết phần đất được chia cho ông B (trong đó có $16,3m^2$ đất nằm trong Quy hoạch 3097 thuộc thửa 09).

Diện tích đất còn lại thuộc di sản thừa kế của hai cụ H và cụ B còn lại là $619,5m^2$, trong đó có $200m^2$ đất thổ cư và $419,5m^2$ đất vườn.

- Áng trích công sức cho vợ chồng ông B, bà H $\frac{1}{3}$ khối di sản thừa kế là quyền sử dụng đất còn lại: Diện tích đất vợ chồng ông B bà H được tính công sức gồm $66,66m^2$ được làm tròn bằng $67m^2$ đất thổ cư và $139,8m^2$ đất vườn. Tổng diện tích là $206,8m^2$.

- Phần di sản của hai cụ H và Bính còn lại sau khi trừ diện tích lối đi chung và áng trích công sức cho vợ chồng ông B, bà H còn lại là $133m^2$ đất thổ cư và $279,7m^2$ đất vườn được chia đều cho 5 thừa kế gồm ông C, bà N, bà Th, ông Đ, ông B; mỗi kỷ phần thừa kế gồm $26,6m^2$ đất thổ cư và

55,9m² đất vườn (làm tròn). Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế là: 26,6 m² x 1.000.000đ + 55,94m² x 51.000đ = 29.451.000 đồng (làm tròn).

- Chấp nhận quan điểm của ông Đ tại phiên tòa về việc cho toàn bộ kỷ phần thừa kế của mình cho ông B bà H. Phần diện tích đất ông B bà H được giao gồm phần công sức, kỷ phần thừa kế của ông B và ông Đ sẽ là 120,2m² đất thổ cư và 251,6m² đất vườn. Tổng 371,8m².

- Chấp nhận quan điểm của ông C, bà Th, bà N gộp 03 kỷ phần thừa kế vào một thửa để sử dụng chung làm nhà thờ sau này. Phần đất được giao là 79,8m² đất thổ cư và 167,8m² đất vườn. Tổng 247,6m².

Căn cứ số liệu về kích thước tại sơ đồ hình học thửa đất kèm theo bản án sơ thẩm, kết quả đo vẽ, thẩm định, việc giao đất trên thực tế được thực hiện như sau:

- Giao cho ông C, bà N, bà Th 268,3m² đất. Trong đó, có 79,8m² đất thổ cư và 188,5m² đất vườn. Do diện tích đất vườn ông bà được giao nhiều hơn kỷ phần mình được hưởng là 188,5m² - 167,8m² = 20,7m² nên sẽ phải thanh toán cho ông B theo giá trị quy đổi bằng tiền theo kết quả định giá là 20,7m² x 51.000đ/m² = 1.055.700 đồng. Ông C, bà N, bà Th mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông B số tiền là 352.000 đồng (làm tròn số).

- Giao cho ông B, bà H phần diện tích 351,2m² đất. Trong đó có 120,2m² đất thổ cư và 231m² đất vườn.

(Vị trí, kích thước, tứ cận có sơ đồ cụ thể kèm theo bản án phúc thẩm).

[4] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 511944/16/HĐTC được ký ngày 01/6/2016 giữa vợ chồng ông B bà H với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thị xã TH. Hiện tại ông B, bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ với Ngân hàng nên Ngân hàng đã trả lại tài sản thế chấp, có tài liệu chứng minh là văn bản của Ngân hàng gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và sự thừa nhận của ông B, bà H tại phiên tòa. Vì vậy, việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa rút kháng nghị với nội dung này là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận tại bản án phúc thẩm.

[5] Bản án sơ thẩm trong phần nhận định và quyết định về khoản tiền 100.000.000 đồng ông B cho rằng là di sản thừa kế và cho bà N vay có sự mâu thuẫn. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại phiên tòa để sửa Bản án sơ thẩm. Dành quyền khởi kiện cho ông B bằng vụ kiện khác khi có đủ căn cứ, không buộc ông B phải chịu số tiền 5.000.000 đồng án phí như quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Do các đương sự trong vụ án này là thân nhân gia đình Liệt sỹ, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên Hội đồng xét xử

miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng đã nộp cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Chấp nhận kháng cáo của ông C, bà N đối với việc xác định lại công sức của ông B bà H và chia lại di sản thừa kế.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông B đối với việc giải quyết yêu cầu bà N trả lại số tiền 100.000.000 đồng và án phí sơ thẩm.

Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc rút kháng nghị đối với phần giao dịch giữa ông B, bà H và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An và việc hủy Bản án sơ thẩm. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An như sau:

Căn cứ các điều 612, 623, 649, 650, 658 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 105 Luật Đất đai năm 2003; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Lương Hữu C, bà Lương Thị N và bà Lương Thị Th. Tuyên xử:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L101139, sổ vào sổ cấp GCN 01202/QSDĐ cấp ngày 30/11/1999 của Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An (nay là thị xã TH) mang tên ông Lương Hữu B. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 511944, sổ vào sổ cấp GCN số CH 00195/CĐ cấp ngày 01/12/2013 của Ủy ban nhân dân thị xã TH mang tên ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H.

2. Ghi nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 511944/16/HĐTC ngày 01/6/2016 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và P triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An với bà Đinh Thị H và ông Lương Hữu B về việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00195/QĐ ngày 01/12/2013 mang tên ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H đã được thực hiện xong.

3. Xác định diện tích đất 728,7m² gồm 200m² đất thổ cư và 528,7m² đất vườn thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 08 tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An hiện vợ chồng ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H đang quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của hai cụ Lương Viết H và Hoàng Thị B. Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm và các số đo tại “Sơ đồ trích lục thửa đất” kèm theo Bản án sơ thẩm, di sản thừa kế được phân chia như sau:

3.1. Trích trong khối di sản thừa kế một phần diện tích là 109,2m² đất vườn làm lối đi chung cho các đương sự. Vị trí tính từ đường khối vào tới hết

phần đất được chia cho ông B (trong đó có $16,3\text{m}^2$ đất nằm trong Quy hoạch 3097 thuộc thửa 09 tờ bản đồ số 08 tại Khối TL, phường LS, thị xã TH, tỉnh Nghệ An). Ranh giới cụ thể như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 28 có các kích thước $2,61\text{m} + 14,50\text{m} + 3,38\text{m} + 2,36\text{m}$. Phía Nam giáp phần đất chia cho ông C, bà Th, bà N có kích thước $2,45\text{m}$. Phía Đông giáp thửa đất số 10 và thửa đất số 26: Điểm đầu là mốc ranh giới của thửa đất số 10 với góc lồi đi chung về phía Bắc; điểm cuối là giao điểm khi kéo thẳng ranh giới giữa ô đất số 3 và ô đất số 2 tại “Sơ đồ trích lục thửa đất” kèm theo Bản án sơ thẩm cắt với ranh giới với thửa đất số 10 và 26 về phía Tây. Phía Tây giáp ranh giới phần đất được trích, chia cho vợ chồng ông B và bà H có kích thước: $0,47\text{m} + 4,64\text{m} + 14,16\text{m} + 3,54\text{m} = 22,34\text{m}$.

3.2. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc giao kỷ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Lương Hữu B, bà Đinh Thị H. Trích, chia và giao cho vợ chồng ông B và bà H được quyền sử dụng phần diện tích $351,2\text{m}^2$ đất. Trong đó có $120,2\text{m}^2$ đất thổ cư và 231m^2 đất vườn. Có ranh giới: Phía Bắc giáp thửa đất số 28 dài $14,14\text{m}$. Phía Nam giáp phần đất chia cho ông C, bà N, bà Th dài $15,45\text{m}$. Phía Đông giáp lối đi chung có kích thước gồm các đoạn: $0,47\text{m} + 4,64\text{m} + 14,16\text{m} + 3,54\text{m} = 22,34\text{m}$. Phía Tây giáp thửa đất số 08 và thửa đất số 25 có kích thước gồm các đoạn: $10,37\text{m} + 9,84\text{m} + 1,05\text{m} + 2,92\text{m} = 24,18\text{m}$.

(Phần đất ông B và bà H được chia theo Bản án sơ thẩm nhưng không bao gồm ô đất số 2).

3.3. Chấp nhận yêu cầu gộp kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất để sử dụng chung, chia cho ông Lương Hữu C, bà Lương Thị Th, bà Lương Thị N được sử dụng chung $268,3\text{m}^2$ đất. Trong đó có $79,8\text{m}^2$ đất thổ cư và $188,5\text{m}^2$ đất vườn. Ranh giới như sau: Phía Bắc giáp phần đất được trích, chia cho vợ chồng ông B, bà H có kích thước gồm các đoạn: $15,45\text{m} + 2,45\text{m}$ (đoạn dài kéo thẳng theo ranh giới giữa ô đất số 3 và ô đất số 2 tại “Sơ đồ trích lục thửa đất” kèm theo Bản án sơ thẩm cắt với ranh giới với thửa đất số 10 và 26). Phía Nam giáp thửa đất số 48 và số 26 có kích thước gồm các đoạn: $4,45\text{m} + 7,87\text{m} + 1,99 + 2,45\text{m}$. Phía Đông giáp thửa đất số 10 và 26 (Điểm đầu là giao điểm khi kéo thẳng ranh giới giữa ô đất số 3 và ô đất số 2 tại “Sơ đồ trích lục thửa đất” kèm theo Bản án sơ thẩm cắt với ranh giới thửa đất số 10 và 26 về phía Tây; điểm cuối là mốc ranh giới của thửa đất số 09 với thửa đất số 26 về phía Nam). Phía Tây giáp thửa đất số 08 và thửa đất số 25 có kích thước gồm các đoạn: $4,11\text{m} + 4,30\text{m} + 4,45\text{m} + 1,11\text{m} + 3,21\text{m}$.

(Phần đất chia cho ông Lương Hữu C, bà Lương Thị Th, bà Lương Thị N gồm các ô đất số 3, 4, 5, 6 và phần diện tích lối đi chung giáp 04 ô đất này theo “Sơ đồ trích lục thửa đất” kèm theo Bản án sơ thẩm)

3.4. Các đương sự và những người liên quan có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.5. Do diện tích đất vườn ông C, bà N, bà Th được giao nhiều hơn kỹ phần thừa kế mình được hưởng là: $188,5\text{m}^2 - 167,8\text{m}^2 = 20,7\text{m}^2$ nên sẽ phải thanh toán cho ông B theo giá trị quy đổi bằng tiền theo kết quả định giá là $20,7\text{m}^2 \times 51.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.055.700$ đồng. Ông C, bà N, bà Th mỗi người có nghĩa vụ thanh toán cho ông B số tiền là 352.000 đồng (làm tròn số).

4. Ông Lương Hữu B và bà Đinh Thị H có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền về việc yêu cầu bà Lương Thị N trả khoản tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng khi có đủ căn cứ.

5. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân thị xã TH, tỉnh Nghệ An phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho các đương sự có yêu cầu chia thừa kế trong vụ án. Hoàn trả ông Lương Hữu C số tiền 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm tại Biên lai thu số 0000659 ngày 17/11/2016 và số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0006657 ngày 21/8/2017. Hoàn trả bà Lương Thị N số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0006658 ngày 21/8/2017. Hoàn trả ông Lương Hữu B số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0006664 ngày 26/8/2017 (các Biên lai thu nêu trên của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND, VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP; VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh